

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức
xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội năm 2013**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/ ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ.

Căn cứ Chương trình số 01/CTr-TU ngày 18/8/2011 của Thành uỷ Hà Nội về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền; chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số điều của Quyết định 103/2009/QĐ-UBND;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2646/TTr-SNV ngày 14 tháng 11 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội năm 2013.

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng công chức cấp xã là: 1016, trong đó:

- Trưởng Công an: 70
- Chỉ huy trưởng Quân sự: 80
- Văn phòng – thống kê: 203

- Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường (đối với xã): 146
- Tài chính - Kế toán: 68
- Tư pháp - Hộ tịch: 177
- Văn hóa - Xã hội: 272

(Có biểu chi tiết về chỉ tiêu, ngành, chuyên ngành cần tuyển kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có chỉ tiêu tuyển dụng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND TP: Nguyễn Thị Bích Ngọc;
- PCVP Đỗ Đình Hồng;
- NC, VX, TH;
- Lưu: VT, SNV (5 bản).

46

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

KẾ HOẠCH

**Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
thuộc thành phố Hà Nội năm 2013**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 753 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của
UBND thành phố Hà Nội)*

Thực hiện các quy định của Nhà nước về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ vào định biên và nhu cầu tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn của các quận, huyện, thị xã;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), thuộc thành phố Hà Nội năm 2013 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tuyển dụng đội ngũ công chức cấp xã đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, số lượng, đảm bảo cơ cấu chức danh công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công chức cấp xã.

- Tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo công khai, khách quan, công bằng, dân chủ và đúng quy định của pháp luật.

B. CHỈ TIÊU CÔNG CHỨC CẤP XÃ CẦN TUYỂN

Tổng số chỉ tiêu công chức cấp xã cần tuyển dụng là: 1.016 người

C. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG, ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

I. Tiêu chuẩn và điều kiện dự tuyển công chức cấp xã:

1. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam; có hộ khẩu thường trú tại Hà Nội.

2. Tuổi dự tuyển: đủ 18 tuổi trở lên;

3. Có đơn đăng ký dự tuyển;

4. Có lý lịch rõ ràng;

5. Có đủ văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí cần tuyển, cụ thể:

a) Yêu cầu chung về trình độ đào tạo, ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức:

- Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: Có trình độ đào tạo từ Trung cấp trở lên, ngành Đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự ở cơ sở;

- Chức danh Trưởng Công an: Có trình độ đào tạo Trung cấp trở lên, ngành Quản lý trật tự xã hội ở cơ sở;

- Chức danh Văn phòng – Thông kê: Có trình độ đào tạo chuyên môn từ Đại học trở lên, ngành (hoặc chuyên ngành): Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư – Lưu trữ, Công nghệ thông tin.

- Chức danh Tài chính – Kế toán: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành (hoặc chuyên ngành): Kế toán, Tài chính, Tài chính – Ngân hàng.

- Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính – nông nghiệp - xây dựng – môi trường (đối với xã): Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Địa chính, Quản lý đất đai (đối với lĩnh vực Địa chính, Nông nghiệp); Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường (đối với lĩnh vực Xây dựng, Đô thị, Môi trường).

- Chức danh Tư pháp – Hộ tịch: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành về Luật.

- Chức danh Văn hóa – Xã hội: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa – Du lịch, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Sử (đối với lĩnh vực Văn hóa); Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội (đối với lĩnh vực Lao động Thương binh và xã hội).

b) Trình độ tin học

- Có chứng chỉ A tin học văn phòng trở lên đối với người dự tuyển vào chức danh công chức yêu cầu trình độ trung cấp trở lên.

- Có chứng chỉ B tin học văn phòng trở lên đối với người dự tuyển vào chức danh công chức yêu cầu trình độ đại học trở lên.

6. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

7. Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

8. Người dự tuyển vào chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng công an xã, thị trấn phải đảm bảo các điều kiện bổ sung: là đảng viên, thuộc quy hoạch của xã, phường, thị trấn vào chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự hoặc Trưởng Công an. Có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước. Được Chủ tịch UBND cấp xã và Chỉ huy trưởng quân sự cấp huyện (đối với Chỉ huy trưởng quân sự), Chủ tịch UBND xã, thị trấn và Trưởng Công an cấp huyện có văn bản đề nghị tuyển dụng và bổ nhiệm.

9. Người thuộc đối tượng tiếp nhận không qua thi vào công chức cấp xã, nếu sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì thời gian công tác này được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

II. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển vào công chức cấp xã:

1. Không cư trú tại Việt Nam.
2. Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
3. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.
4. Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động.
5. Những người thuộc đối tượng không được làm kế toán quy định tại Điều 51, Luật Kế toán 2003 thì không được đăng ký dự tuyển vào chức danh công chức Tài chính - Kế toán cấp xã.

III. Hồ sơ đăng ký tuyển dụng

1. Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;

Trường hợp người đăng ký dự tuyển là sỹ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội và công an nhân dân Việt Nam, nếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người dự tuyển đang công tác có văn bản đồng ý.

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

(Đơn đăng ký dự tuyển và Sơ yếu lý lịch tự thuật theo mẫu ban hành kèm theo Kế hoạch này)

3. Bản sao giấy khai sinh;
4. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển.

Người dự tuyển nộp bản chính bằng tốt nghiệp theo yêu cầu của chức danh dự tuyển tại UBND quận (huyện, thị xã) nơi đăng ký dự tuyển. UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm lưu giữ và trả lại thí sinh sau khi thí sinh dự đủ các môn thi, thời điểm trả do các đơn vị quy định nhưng không được quá 20 ngày kể từ ngày thi môn cuối cùng của kỳ thi hoặc sau khi tổ chức sát hạch xong.

Trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp cơ sở đào tạo cấp và viết cam kết chậm nhất thời điểm có quyết định tuyển dụng phải nộp bằng và chứng chỉ, nếu không sẽ hủy kết quả tuyển dụng.

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong thi tuyển công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

7. Bản sao sổ hộ khẩu thường trú;

8. Văn bản đề nghị tuyển dụng và bổ nhiệm của: Chủ tịch UBND cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện đối với người dự tuyển vào Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã; Chủ tịch UBND xã, thị trấn và Trưởng Công an cấp huyện đối với người đăng ký dự tuyển vào Trưởng Công an xã, thị trấn;

9. Những người thuộc đối tượng tiếp nhận không qua thi, nếu sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì nộp nhận xét, đánh giá của Thủ tướng cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình.

10. Bản cam kết sau khi tuyển dụng làm việc 05 năm tại xã, phường, thị trấn.

11. Nộp 03 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh dự tuyển; 2 ảnh 4x6 cm;

Các giấy tờ trên được đựng trong 01 túi hồ sơ theo quy định của UBND huyện, quận, thị xã. Mỗi người dự tuyển làm 01 bộ hồ sơ nộp tại UBND huyện, quận, thị xã - nơi đăng ký dự tuyển.

Mỗi người chỉ được đăng ký dự tuyển tại một chức danh thuộc một đơn vị xã (phường, thị trấn) trong toàn Thành phố, người vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị huỷ kết quả thi, sát hạch nếu bị phát hiện đăng ký dự tuyển ở 02 chỉ tiêu trở lên.

Sau khi tổ chức kiểm tra, sát hạch người dự tuyển thuộc đối tượng tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi, tại chỉ tiêu đăng ký đã có đối tượng trúng tuyển bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển thì người đăng ký thi tuyển vào chỉ tiêu đó được đổi nguyện vọng thi tuyển vào chỉ tiêu khác có yêu cầu chuyên môn phù hợp của các xã, phường, thị trấn trong cùng quận (huyện, thị xã). Thời gian thay đổi nguyện vọng do Sở Nội vụ quy định.

IV. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển công chức cấp xã

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng điểm thi tuyển;

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu dự thi, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng điểm thi tuyển;

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ dân quân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố liên tục từ 03 năm trở lên: được cộng 10 điểm vào tổng điểm thi tuyển.

Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên ở các khoản 1, khoản 2, khoản 3 nêu trên thì chỉ được cộng một điểm ưu tiên cao nhất vào tổng kết quả thi tuyển.

D. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

I. Hình thức tuyển dụng công chức cấp xã

- Xét tuyển và bổ nhiệm đối với chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

- Kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển đối với trường hợp đăng ký dự tuyển vào công chức cấp xã thuộc diện tốt nghiệp đại học chính quy tập trung loại giỏi trở lên ở trong nước hoặc loại khá trở lên ở nước ngoài, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ (có bằng đại học hệ chính quy tập trung) của ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

- Tổ chức thi tuyển đối với các trường hợp dự tuyển còn lại vào các chức danh công chức: Văn phòng – thống kê, Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), Địa chính – Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã), Tài chính – Kế toán, Tư pháp – Hộ tịch, Văn hóa – Xã hội.

Cụ thể như sau:

1. Xét tuyển và bổ nhiệm đối với chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã

Việc tuyển dụng Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện bằng hình thức xét tuyển, nguồn xét tuyển từ quy hoạch của xã, phường, thị trấn. Hội đồng tuyển dụng xét các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã là người đạt các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Mục I phần C nêu trên.

2. Kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức cấp xã đối với các trường hợp đăng ký dự tuyển thuộc diện tốt nghiệp đại học chính quy tập trung loại giỏi trở lên ở trong nước hoặc loại khá trở lên ở nước ngoài, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ (có bằng Đại học hệ chính quy tập trung) của ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng, thực hiện theo các bước sau:

- Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh cần tuyển dụng;

- Sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và các yêu cầu khác đối với người đăng ký được tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển.

- Nội dung sát hạch, đề, đáp án sát hạch (phỏng vấn) do Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ngành liên quan chuẩn bị.

- Sát hạch theo hình thức phỏng vấn. Kết quả phỏng vấn tính theo thang điểm

100.

- Thời gian chuẩn bị để trả lời phỏng vấn là 60 phút; thời gian trả lời phỏng vấn của mỗi thí sinh tối đa là 15 phút.

- Người trúng tuyển trong kỳ kiểm tra, sát hạch là người có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ; có kết quả sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên và có điểm sát hạch cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả sát hạch bằng nhau trong cùng một chỉ tiêu công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự như sau: người có văn bằng cao hơn; người tốt nghiệp trường Đại học công lập; người có điểm trung bình toàn khóa cao hơn; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

- Căn cứ vào kết quả sát hạch, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã có văn bản đề nghị Sở Nội vụ Thành phố thống nhất ý kiến tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

- Giám đốc Sở Nội vụ có văn bản thống nhất ý kiến tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, trên cơ sở đó Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

3. Môn thi, hình thức thi tuyển và xác định người trúng tuyển

- Các môn thi và hình thức thi

+ Môn kiến thức chung: thi viết 01 bài thời gian 120 phút về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng.

+ Môn nghiệp vụ chuyên ngành: thi viết 01 bài thời gian 120 phút và thi trắc nghiệm 01 bài thời gian 30 phút về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

+ Môn tin học văn phòng: thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm, thời gian 30 phút theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên thì được miễn thi môn tin học văn phòng.

- Cách tính điểm, xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ.

II. Thẩm quyền tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng

1. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và Kế hoạch này.

Khi hết thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng và Ban Giám sát tuyển dụng để giám sát quá trình tuyển dụng.

2. Hội đồng tuyển dụng công chức có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Một số ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND quận, huyện, thị xã.

3. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) *Đối với việc thi tuyển các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Tài chính - Kế toán, Tư pháp- Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội:*

Thành lập các Ban giúp việc và tổ chức triển khai các trình tự, thủ tục thi tuyển theo quy định của pháp luật. Hội đồng tuyển dụng bố trí phòng thi có camera để giám sát quá trình làm bài thi của thí sinh;

b) *Đối với việc xét tuyển các chức danh Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng quân sự:*

Xem xét, rà soát các điều kiện, tiêu chuẩn của công chức Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng quân sự và thực hiện các yêu cầu xét tuyển theo quy định!

c) *Đối với việc tiếp nhận không qua thi tuyển các trường hợp đặc biệt:*

- Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh cần tuyển dụng được quy định tại khoản 1 Điều 15 thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ.

- Sốt hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và các yêu cầu khác đối với người được đề nghị tiếp nhận.

d) Sau khi chấm thi và xét tuyển xong, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày hết hạn thời gian nộp đơn phúc khảo (nếu không có đơn phúc khảo) hoặc chấm phúc khảo xong, Chủ tịch Hội đồng báo cáo Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã kết quả tuyển dụng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã xem xét quyết định công nhận kết quả tuyển dụng đối với trường hợp thi tuyển và xét tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã, thị trấn; sau khi kiểm tra, sát hạch xong Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Sở Nội vụ thống nhất ý kiến đối với trường hợp trúng tuyển trong kỳ kiểm tra, sát hạch.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức tuyển dụng.

e) Hội đồng tuyển dụng sử dụng con dấu, tài khoản của UBND cấp huyện (hoặc tài khoản của Phòng Nội vụ quận, huyện) trong các hoạt động của Hội đồng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng tuyển dụng và các Ban giúp việc của Hội đồng thực hiện theo Mục 1 và Mục 2, Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ.

D. TRÌNH TỰ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

I. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ dự tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ.

II. Tổ chức kỳ tuyển dụng

Việc tổ chức thi tuyển thực hiện theo quy định tại Mục 3, Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi nâng ngạch công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ.

Hội đồng tuyển dụng bố trí phòng thi có camera để giám sát quá trình làm bài thi của thí sinh;

Thực hiện việc đổi mới trong công tác thi tuyển, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có) quận, huyện chuyển bài thi đã rọc phách đến các giám khảo chấm thi do Sở Nội vụ mời và chấm thi tập trung tại địa điểm do Sở Nội vụ bố trí. Quá trình chuyển bài thi, bàn giao bài thi cho giám khảo và giám sát quá trình chấm thi, chấm phúc khảo do Ban chấm thi, Ban giám sát, Ban chấm phúc khảo (nếu có) của Hội đồng tuyển dụng các quận, huyện thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV.

III. Thông báo kết quả tuyển dụng, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ.

E. KINH PHÍ TỔ CHỨC THI TUYỂN; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THI.

I. Kinh phí tổ chức thi tuyển

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 163/2010/TTLT-BTC-BNV ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi tuyển và phí dự thi nâng ngạch công chức, viên chức.

Riêng kinh phí xây dựng đề thi, đáp án thi; đề phỏng vấn, đáp án phỏng vấn; chấm thi, chấm phúc khảo (nếu có) giao Sở Nội vụ tự cân đối từ nguồn kinh phí thi tuyển được UBND thành phố giao năm 2013 và chi theo quy định hiện hành.

II. Thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng: Thời gian tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã dự kiến vào tháng 01 năm 2014. Địa điểm thi do Hội đồng tuyển dụng từng quận, huyện, thị xã bố trí.

G. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Nội vụ:

1. Xây dựng lịch triển khai các bước công việc và hướng dẫn tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã theo Kế hoạch này để các quận, huyện, thị xã thống nhất thực hiện.

2. Thông báo chỉ tiêu, Kế hoạch chung về tuyển dụng công chức cấp xã thuộc Thành phố trên Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội Mới, Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội;

3. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra hoặc thanh tra (trường hợp cần thiết) việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã tại các huyện, quận, thị xã;

4. UBND thành phố giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan chuẩn bị nội dung ôn tập môn kiến thức chung, môn tin học văn phòng, môn nghiệp vụ chuyên ngành; tổ chức ra đề thi, đáp án các môn thi; chuẩn bị nội dung sát hạch; tổ chức ra đề phỏng vấn, đáp án phỏng vấn. Sở Nội vụ mời giám khảo chấm thi vào công chức cấp xã và tổ chức địa điểm chấm tập trung cho các quận, huyện.

5. Thẩm định và thống nhất ý kiến đối với các trường hợp tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

II. Các Sở, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Các Sở, ngành: Văn phòng UBND Thành phố, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên – Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ tham gia chuẩn bị đề thi, đáp án thi, nội dung ôn tập các môn thi và các công tác khác trong tổ chức tuyển dụng.

III. UBND các huyện, quận, thị xã

1. Ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã thuộc đơn vị mình; Thông báo công khai trên đài phát thanh, truyền thanh, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã và niêm yết tại trụ sở huyện, quận, thị xã, tại trụ sở UBND cấp xã về chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung, hình thức tuyển dụng; thời gian, địa điểm nhận hồ sơ;

2. Thành lập Ban Hồ sơ để nhận hồ sơ dự tuyển vào công chức cấp xã, thu phí thi tuyển, kiểm tra hồ sơ, lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, niêm yết danh sách công khai theo quy định, chuyển Hội đồng tuyển dụng danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển công chức cấp xã để tổ chức tuyển dụng.

3. Thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức, thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định hiện hành. Hội đồng tuyển dụng thành lập các Ban giúp việc, tổ chức triển khai các trình tự, thủ tục thi tuyển theo quy định của pháp luật. Hội đồng tuyển dụng bố trí phòng thi có camera giám sát quá trình thi tuyển của thí sinh; chỉ đạo Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có) thực hiện quy định mục II phần Đ nêu trên.

4. Thành lập Ban Giám sát để kiểm tra, giám sát quá trình nhận và bảo quản đề thi, đáp án thi của Hội đồng tuyển dụng; giám sát quá trình tổ chức tuyển dụng theo đúng quy định của pháp luật;

5. Căn cứ kết quả báo cáo của Hội đồng tuyển dụng, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã, thị trấn theo quy định hiện hành; Báo cáo và đề nghị Sở Nội vụ thống nhất ý kiến đối với trường hợp tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển.

6. Căn cứ vào kết quả trúng tuyển ban hành quyết định tuyển dụng vào các chức danh công chức cấp xã; Căn cứ vào kết quả kiểm tra, sát hạch và ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ để ban hành quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã năm 2013. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết./.



Nguyễn Thị Bích Ngọc

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Quận, huyện, thị xã	Tổng số	Chỉ tiêu cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã						
			Trưởng Công an	Chỉ huy trưởng Quân sự	Văn phòng Thống kê	Địa chính - Xây dựng	Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ba Đình	20	0	4	4	0	5	2	5
2	Quận Hoàn Kiếm	56	0	7	22	6	8	8	5
3	Quận Đống Đa	50	0	5	18	6	9	3	9
4	Quận Hai Bà Trưng	48	0	6	15	4	7	5	11
5	Quận Tây Hồ	16	0	4	2	2	2	1	5
6	Quận Cầu Giấy	21	0	1	9	3	1	5	2
7	Quận Long Biên	25	0	1	8	3	7	1	5
8	Quận Hà Đông	20	0	2	8	1	0	5	4
9	Huyện Thanh Trì	30	2	1	0	12	5	4	6
10	Huyện Đông Anh	59	17	7	8	6	0	6	15
11	Huyện Gia Lâm	59	0	4	16	8	2	7	22
12	Huyện Sóc Sơn	61	0	4	12	10	3	7	25
13	Huyện Ba Vì	54	5	3	5	11	3	13	14
14	Huyện Phúc Thọ	29	2	3	6	5	0	8	5
15	Huyện Đan Phượng	14	0	0	2	2	1	3	6
16	Huyện Quốc Oai	44	1	0	4	13	1	11	14
17	Huyện Thạch Thất	35	2	3	3	4	0	8	15
18	Huyện Hoài Đức	48	12	4	4	3	2	11	12
19	Huyện Chương Mỹ	48	1	4	8	1	2	14	18
20	Huyện Thanh Oai	37	4	5	6	9	1	4	8
21	Huyện Thường Tín	59	7	2	10	7	0	15	18
22	Huyện Phú Xuyên	56	11	6	7	5	3	19	5
23	Huyện Ứng Hoà	47	3	3	10	6	0	3	22
24	Huyện Mỹ Đức	43	2	0	7	14	0	8	12
25	Huyện Mê Linh	37	1	1	9	5	6	6	9
TỔNG CỘNG		1016	70	80	203	146	68	177	272

BAN NHÀ

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN BA ĐÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
		Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Quận Ba Đình	20	0	4	4	0	5	2	5	
Phường Cống Vị	3		1	1					CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng QS 1 VPTK: Hành chính học VHXH: Quản trị nhân lực
Phường Điện Biên	1					1			TCKT: Kế toán
Phường Kim Mã	2		1	1					CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng QS VPTK: Hành chính học
P. Nguyễn Trung Trực	3		1			1			CHTQS: Cao đẳng Quân sự cơ sở; 1 TCKT: Kế toán VHXH: Quản trị nhân lực
Phường Ngọc Hà	3					1	1		TCKT: Kế toán 1 TP-HT: Luật VHXH: Bảo tàng
Phường Ngọc Khánh	3		1	1					CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng QS 1 VPTK: Hành chính học VHXH: Văn hóa - Du lịch
Phường Vĩnh Phúc	1								1 VHXH: Văn hóa - Du lịch
Phường Quán Thánh	2						1	1	TCKT: Kế toán TPHT: Luật
Phường Liễu Giai	2				1		1		VPTK: Hành chính học TCKT: Kế toán

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN HOÀN KIẾM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Hoàn Kiếm	56	0	7	22	6	8	8	5	
1	Phường Chương Dương	2			1			1		VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch TPHT: Luật
2	Phường Cửa Đông	2			1	1				VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Địa chính
3	Phường Cửa Nam	3		1	1			1		CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch TPHT: Luật
4	P. Đồng Xuân	5			1	1	1	1	1	VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch; ĐCXĐ: Kiến Trúc; TCKT: Kế toán; TPHT: Luật; VHXH: Quản lý Văn hóa
5	Phường Hàng Bạc	3		1	1			1		CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: theo quy định tại Kế hoạch; TPHT: Luật
6	Phường Hàng Bài	4			2		1	1		01 VPTK: Hành chính; 01 VPTK: theo quy định; TCKT: Kế toán; TPHT: Luật
7	Phường Hàng Bồ	4			2	1		1		01 VPTK: Hành chính; 01 VPTK: theo quy định tại Kế hoạch; ĐCXĐ: Địa chính; TPHT: Luật
8	Phường Hàng Bông	3		1	1				1	CHTQS, VPTK, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
9	Phường Hàng Buồm	4		1	1	1	1			CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng; TCKT: Kế toán
10	Phường Hàng Đào	3			1			1	1	VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch; TCKT: Kế toán; VHXH: Quản trị nhân lực, Công tác xã hội
11	Phường Hàng Gai	3			1			1	1	VPTK: theo quy định; TCKT: Kế toán; TPHT: Luật
12	Phường Hàng Mã	3			1	1			1	VPTK: theo quy định; ĐCXĐ: Địa chính; VHXH: Quản trị nhân lực, Công tác xã hội
13	Phường Hàng Trống	3			2				1	01 VPTK: Luật; 01 VPTK: theo quy định; VHXH: Quản lý Văn hóa
14	Phường Lý Thái Tổ	2			1	1				VPTK: theo quy định; ĐCXĐ: Địa chính
15	Phường Phan Chu Trinh	4		1	1			1	1	CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: theo quy định; TCKT: Kế toán; TPHT: Luật
16	Phường Phúc Tân	3		1	1			1		CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: theo quy định; TCKT: Tài chính
17	Phường Trần Hưng Đạo	4		1	2			1		CHTQS: Quân sự cơ sở; 01 VPTK: Luật; 01 VPTK: theo quy định; TCKT: Kế toán
18	Phường Tràng Tiền	1			1					VPTK: Theo quy định tại Kế hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN ĐÔNG ĐA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Đông Đa	50	0	5	18	6	9	3	9	
1	Phường Cát Linh	3				2				VHXH: Quản lý Văn hóa; 01 ĐCXD: Quản lý Đất đai; 01 ĐCXD: Quản lý Môi trường; Khoa học Môi trường
2	Phường Khâm Thiên	3			2					01 VPTK: Công nghệ thông tin; 01 VPTK: Hành chính học; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
3	Phường Khương Thượng	4		1	1	1	1			CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng; ĐCXD: Quản lý Đất đai; TCKT: Kế toán
4	Phường Kim Liên	2			1					VPTK: Quản trị Văn phòng; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
5	Phường Láng Hạ	2						1		TCKT: Kế toán; VHXH: Quản trị nhân lực
6	Phường Láng Thượng	3			1	1	1			VPTK: Luật; ĐCXD: Quản lý đất đai; TCKT: Kế toán;
7	Phường Nam Đồng	1								Công tác xã, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
8	Phường Ngã Tư Sở	1			1					Luật
9	Phường Ô Chợ Dừa	3		1	1		1			CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Luật; TCKT: Kế toán
10	Phường Phương Liên	3			2					01 VPTK: Luật; 01 VPTK: Luật; VHXH: Công tác XH, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
11	Phường Phương Mai	1			1					Công nghệ thông tin
12	Phường Quang Trung	2			1		1			VPTK: Hành chính học; TCKT: Kế toán
13	Phường Quốc Tử Giám	2			1				1	VPTK: Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng; TPHT: Luật
14	Phường Thổ Quan	3		1	1				1	CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Hành chính; TPHT: Luật
15	Phường Thịnh Quang	3			1		1		1	VPTK: Hành chính; TCKT: Tài chính - Ngân hàng; VHXH: Công tác xã hội
16	Phường Trung Liệt	1							1	Luật
17	Phường Trung Phụng	3				1		1		VPTK: Luật; TCKT: Tài chính - Ngân hàng; VHXH: Công tác xã, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội
18	Phường Trung Tự	1					1			ĐCXD: Quản lý Đất Đai
19	Phường Văn Chương	7		1	2		1	2		CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Luật, Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng; ĐCXD: Quản lý đất đai; TCKT: Tài chính ngân hàng, Kế toán; VHXH: Xã hội học
20	Phường Văn Miếu	2			1	1				CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Luật

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN HAI BÀ TRUNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Hai Bà Trưng	48	0	6	15	4	7	5	11	
1	Phường Ngô Thi Nhậm	3			1			1		VPTK: Công nghệ thông tin; TCKT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo quy định tại Kế hoạch
2	Phường Nguyễn Du	2		1						CHTQS, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo quy định tại Kế hoạch
3	Phường Đồng Mác	3		1				1		CHTQS, TPHT, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo quy định tại Kế hoạch.
4	Phường Minh Khai	4			2			2		theo quy định tại Kế hoạch
5	Phường Thanh Nhân	2					1			TCKT, VHXH (lĩnh vực văn hóa): theo quy định tại Kế hoạch
6	Phường Thanh Lương	1								VHXH (lĩnh vực văn hóa): theo quy định tại Kế hoạch
7	Phường Cầu Dền	1			1					Công nghệ thông tin
8	Phường Quỳnh Mai	3			2			1		theo quy định tại Kế hoạch
9	Phường Đồng Nhân	2			1					VPTK, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo quy định tại Kế hoạch
10	Phường Quỳnh Lôi	5		1	1	1	1	1		CHTQS, VPTK, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), TCKT, TPHT: theo quy định tại Kế hoạch
11	Phường Phố Huế	7		1	2	1	1	1		CHTQS, VPTK, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), TCKT, TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo quy định tại Kế hoạch
12	Phường Bùi Thị Xuân	3			1	1				VPTK: Công nghệ thông tin; ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo quy định tại Kế hoạch.
13	Phường Trương Định	3		1	1					CHTQS, VPTK, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo quy định tại Kế hoạch
14	Phường Bách Khoa	4		1		1	1			CHTQS, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), TCKT, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo quy định tại Kế hoạch
15	Phường Bạch Mai	1			1					theo quy định tại Kế hoạch
16	Phường Đồng Tâm	2			1					VPTK: Công nghệ thông tin; VH-XH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo quy định tại Kế hoạch.
17	Phường Bạch Đằng	2			1			1		theo quy định tại Kế hoạch

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN TÂY HỒ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **4** năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Tây Hồ	16	0	4	2	2	2	1	5	
1	Phường Thụy Khê	3		1		1	1			CHTQS: Quân sự cơ sở; ĐCXĐ: Địa chính; TCKT: Kế toán;
2	Phường Bưởi	3		1		1			1	CHTQS: Quân sự cơ sở; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
3	Phường Xuân La	1						1		Luật
4	Phường Phú Thượng	3		1	1				1	CHTQS: Quân sự cơ sở; VPTK: Luật; VHXX: Văn hóa học, Quản lý văn hóa
5	Phường Nhật Tân	2		1					1	CHTQS: Quân sự cơ sở; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
6	Phường Từ Liêm	4			1			1	2	VPTK: Luật; TCKT: Kế toán; 01 VHXX (lĩnh vực Văn hóa), 01 VHXX (lĩnh vực LĐTBXH): theo quy định tại Kế hoạch.

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN CẦU GIẤY
(Ban hành kèm theo Quyết định số 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Cầu Giấy	21	0	1	9	3	1	5	2	
1	Mai Dịch	2			1		1			VPTK: Hành chính; TCKT: Tài chính, Kế toán;
2	Nghĩa Đô	1						1		Luật
3	Yên Hòa	2			1			1		VPTK: Hành chính; TPHT: Luật
4	Trung Hòa	5		1	1	1		2		CHTQS: ĐTCHTQS cơ sở; VPTK: Hành chính, Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Quản lý đất đai; TPHT: Luật
5	Quan Hoa	5			3			1	1	VPTK: Hành chính; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Văn hóa): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
6	Dịch Vọng	2			1				1	VPTK: Hành chính; VHXH: Quản lý Văn hóa
7	Nghĩa Tân	4			2	2				VPTK: Hành chính; ĐCXĐ: 01 Xây dựng, 01 Địa chính

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN LONG BIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Long Biên	25	0	1	8	3	7	1	5	
1	Phường Bồ Đề	2			1	1				VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: quản lý đất đai, Xây dựng, kiến trúc, Quản lý Môi trường
2	Phường Thượng Thanh	2			1		1			VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; TCKT: Tài chính, Kế toán
3	Phường Ngọc Lâm	1					1			Tài chính, Kế toán
4	Phường Sài Đồng	2			1		1			VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; TCKT: Tài chính, Kế toán
5	Phường Thạch Bàn	2			1		1			VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; TCKT: Tài chính, Kế toán
6	Phường Long Biên	3			1		1		1	VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; TCKT: Tài chính, Kế toán; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
7	Phường Giang Biên	5		1	1	1	1	1	1	VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; VHXX: Quản lý Văn hóa; ĐCXĐ: Địa chính, Xây dựng, kiến trúc, Quản lý môi trường; CHTQS, TCKT: ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
9	Phường Phúc Lợi	1							1	Quản lý văn hóa
10	Phường Việt Hưng	2			1				1	VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
11	Phường Phúc Đồng	2			1	1				VPTK: Hành chính, Luật, Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Địa chính, Xây dựng, kiến trúc, Quản lý môi trường
12	Phường Cự Khối	3						1	1	TCKT: Tài chính, Kế toán; TPHT: Luật; VHXX: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2013 CỦA QUẬN HÀ ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **11** năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Phường	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên, ngành ĐT chỉ huy trưởng quân sự)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Quận Hà Đông	20	0	2	8	1	0	5	4	
1	Đồng Mai	1			1					Công nghệ thông tin, Văn thư lưu trữ Hành chính Văn phòng
2	Hà Cầu	4			2			1	1	VPTK: Công nghệ thông tin, Hành chính; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội
3	Kiến Hưng	1							1	Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
4	Nguyễn Trãi	3			1			2		VPTK: Công nghệ thông tin, Hành chính; TPHT: Luật
5	Phú Lãm	3		1	1				1	VPTK: Luật, Công nghệ thông tin; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
6	Phú Lương	1		1						
7	Phúc La	1			1					Công nghệ thông tin, Hành chính
8	Quang Trung	3			1	1		1		VPTK: Hành chính, Công nghệ thông tin; ĐCXD: Xây dựng; TPHT: Luật
9	Vạn Phúc	2			1				1	VPTK: Luật, Hành chính học; VHXH: Công tác xã hội
10	Phú La	1						1		Luật

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN THANH TRÌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **11** năm **2013** của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Thanh Trì	30	2	1	0	12	5	4	6	
1	Tả Thanh Oai	2				1	1			ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; TCKT: Tài chính, Kế toán
2	Tân Triều	1					1			Tài chính, Kế toán
3	Vĩnh Quỳnh	4		1		1	1	1		CHTQS: theo quy định; TCKT: Tài chính, Kế toán; TPHT: Luật; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai
4	Tam Hiệp	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội;
5	Đại Áng	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VHXH: Công tác xã hội
6	Tứ Hiệp	3				1	1		1	ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; TCKT: Tài chính, Kế toán; VHXH: Công tác xã hội
7	Hữu Hòa	2				1		1		ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; TPHT: Luật
8	TT Văn Điển	1				1				Địa chính, Quản lý đất đai
9	Thanh Liệt	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội
10	Liên Ninh	1						1		Luật
11	Ngũ Hiệp	1				1				Xây dựng, Quản lý môi trường
12	Đông Mỹ	1				1				Xây dựng, Quản lý môi trường
13	Ngọc Hồi	2				1			1	ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; VHXH: Quản lý văn hóa
14	Vạn Phúc	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội
15	Duyên Hà	3	1			1	1			TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; TCKT: Tài chính, Kế toán
16	Yên Mỹ	1				1				Địa chính, Quản lý đất đai

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN ĐÔNG ANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7453 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

ST T	UBND xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng công an (Trung cấp trở lên, ngành Quản lý trật tự ở cơ sở)	Chỉ huy trưởng quân sự (Trung cấp trở lên, ngành đào tạo chỉ huy trưởng quân sự cơ sở)	Văn phòng - Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Đông Anh	59	17	7	8	6	0	6	15	
1	Cổ Loa	3	1						2	VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
2	Dục Tú	3			1				2	VPTK: Công nghệ thông tin; VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch.
3	Đại Mạch	4	1	1	1				1	VPTK, VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch.
4	Đông Hội	3	1					1	1	TPHT, VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch.
5	Hải Bối	3				1			2	ĐCXĐ: Địa chính; VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch.
6	Kim Chung	2	1			1				ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường
7	Kim Nỗ	4	1	1	1				1	VPTK, VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
8	Liên Hà	3	1					1	1	TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
9	Mai Lâm	4	1	1		1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
10	Nam Hồng	2		1				1		TPHT: Luật
11	Nguyễn Khê	4	1		1			1	1	VPTK, TPHT, VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
12	Tâm Xá	2	1			1				ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường
13	Tiên Dương	1							1	VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
14	Thị Trấn	1			1					Luật
15	Thụy Lâm	3	1			1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
16	Uy Nỗ	1		1						
17	Vân Hà	2	1				1			ĐCXĐ: Xây dựng
18	Vân Nội	1	1							
19	Việt Hùng	3	1	1				1		TPHT: Luật
20	Vĩnh Ngọc	2	1		1					VPTK: theo kế hoạch
21	Võng La	5	1	1	1			1	1	VPTK, TPHT, VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
22	Xuân Canh	1	1							
23	Xuân Nộn	2	1		1					VPTK: Luật

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN GIA LÂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **4153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **11** năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Gia Lâm	59	0	4	16	8	2	7	22	
1	Xã Trung Mậu	2			1				1	VPTK; Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
2	Xã Phù Đổng	4			1	1		1	1	VPTK: Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Quản lý môi trường; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
3	Xã Đình Xuyên	3			2				1	VPTK: Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
4	Xã Ninh Hiệp	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
5	Xã Yên Thường	5		1	1		1	1	1	CHTQS: CHTQS cơ sở; VPTK: Luật; TCKT: Tài chính, Kế toán; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
6	Xã Dương Hà	4		1	1				2	CHTQS: CHTQS cơ sở; VPTK: Luật; 01 VHXX: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; 01 VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
7	Xã Yên Viên	3			1				2	VPTK: Hành chính; 01 VHXX: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; 01 VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
8	Thị trấn Yên viên	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX: Việt Nam học
9	Thị trấn Trâu Quỳ	2			1				1	VPTK: Công nghệ thông tin; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
10	Xã Cổ Bi	2					1	1		theo Kế hoạch
11	Xã Văn Đức	3			1	1			1	VPTK: Luật; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
12	Xã Bát Trảng	4		1	1	1			1	CHTQS: CHTQS cơ sở; VPTK: Luật; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
13	Xã Kim Lan	2			1			1		VPTK: Công nghệ thông tin; TPHT: Luật
14	Xã Dương Xá	2			1	1				VPTK: Luật, Hành chính; ĐCXĐ: Xây dựng
15	Xã Đặng Xá	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX: Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội
16	Xã Phú Thị	2				1			1	ĐCXĐ: Quản lý đất đai; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
17	Xã Đa Tốn	3			1	1			1	VPTK: Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
18	Xã Kiều Ky	2			1				1	VPTK: Công nghệ thông tin; VHXX: Bàng táng
19	Xã Đông Dư	2							2	01 VHXX: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; 01 VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
20	Xã Dương Quang	2			1				1	VPTK: Hành chính; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
21	Xã Kim Sơn	4		1	1	1			1	CHTQS, VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
22	Xã Lệ Chi	2				1			1	ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN SÓC SƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Sóc Sơn	61	0	4	12	10	3	7	25	
1	Bắc Sơn	4			2	1			1	VPTK: Luật, Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Quản lý môi trường; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch
2	Nam Sơn	4			1		1		2	VPTK: Luật; TCKT: Kế toán; VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động BXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
3	Hồng Kỳ	2		1					1	CHTQS, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
4	Trung Giã	3				1	1		1	TCKT: Kế toán; ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
5	Tân Hưng	4			1	1	1		1	VPTK: Luật, TCKT: Kế toán; ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
6	Bắc Phú	3			2				1	VPTK: 01 Luật, 01 Công nghệ thông tin; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch
7	Tân Minh	2				1			1	ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
8	Phù Linh	2		1					1	CHTQS, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
9	Thị trấn Sóc Sơn	3		1		1			1	CHTQS, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
10	Đức Hòa	2				1			1	ĐCXĐ: Địa chính, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
11	Việt Long	3			2				1	VPTK: 01 Luật, 01 Công nghệ thông tin; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
12	Xuân Giang	3			1	1			1	VPTK, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
13	Xuân Thu	1							1	VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
14	Kim Lũ	3				1		1	1	TPHT: Luật; ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
15	Đông Xuân	1							1	VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
16	Phù Lỗ	5			1	1		2	1	VPTK: Luật; ĐCXĐ: Địa chính; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
17	Phú Minh	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
18	Phù Cường	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH: Quản trị nhân lực
19	Thanh Xuân	1							1	Công tác xã hội
20	Tân Dân	2			1			1		VPTK: theo Kế hoạch; TPHT: Luật
21	Mình Phú	3		1	1				1	CHTQS, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo kế hoạch; VPTK: Luật
22	Mình Trì	1							1	VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo kế hoạch
23	Hiền Ninh	2				1			1	ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo kế hoạch
24	Quang Tiến	2						1	1	TPHT: Luật, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
25	Mai Đình	1							1	VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN BA VÌ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 1 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Ba Vì	54	5	3	5	11	3	13	14	
1	Khánh Thượng	5		1	1	1		1	1	CHTQS: CHTQS ở cơ sở; VPTK: Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Xây dựng; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
2	Minh Quang	1			1					Quản trị Văn phòng
3	Ba Vì	1				1				Quản lý đất đai
4	Ba Trại	2					1		1	TCKT: Tài chính; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
5	Tân Lĩnh	4			1			1	2	VPTK: Văn thư - Lưu trữ; TPHT: Luật; VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch
6	Yên Bài	1							1	VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
7	Vân Hoà	2				1	1			ĐCXĐ: Địa chính; TCKT: Tài chính, kế toán;
8	Cẩm Lĩnh	3				2		1		ĐCXĐ (01 lĩnh vực Địa chính, 01 lĩnh vực Xây dựng ĐTMT): theo Kế hoạch; TPHT: Luật
9	Thuần Mỹ	1				1				Quản lý đất đai
10	Sơn Đà	5	1			1		1	2	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; ĐCXĐ: Quản lý đất đai; TPHT: Luật; VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch
11	Tòng Bạt	4			1	1		1	1	VPTK: Hành chính; ĐCXĐ: Quản lý môi trường; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch.
12	Phú Sơn	1						1		Luật
13	Thái Hoà	2	1					1		TCA: Quản lý trật tự cơ sở; TPHT: Luật
14	Vạn Thắng	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo kế hoạch
15	Phú Đông	1							1	VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
16	Cổ Đô	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo Kế hoạch
17	Phú Cường	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự cơ sở; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
18	Tân Hồng	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự cơ sở; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
19	Châu Sơn	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
20	Phú Phương	1				1				Địa chính
21	Minh Châu	1						1		Luật
22	Chu Minh	1				1				Địa chính
23	Thụy An	1	1							Quản lý trật tự ở cơ sở
24	Vật Lại	1		1						Đào tạo Chỉ huy trưởng quân sự
25	Phú Châu	3		1	1			1		CHTQS: ĐT CHTQS; VPTK: Quản trị Văn phòng; TPHT: Luật
26	Đông Quang	1					1			Tài chính, Kế toán
27	Tiên Phong	2				1		1		ĐCXĐ: Địa chính; TPHT: Luật

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN PHÚC THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **11** năm **2013** của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Phúc Thọ	29	2	3	6	5	0	8	5	
1	Xã Sen Chiêu	3			1			1	1	VP-TK: Công nghệ thông tin; TP-HT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực
2	Xã Cẩm Đình	1							1	Công tác xã hội, quản trị nhân lực
3	Xã Phương Độ	3	1			1			1	TCA: Quản lý trật tự cơ sở; ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý Môi trường; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
4	Xã Tích Giang	1						1		Luật
5	Xã Trạch Mỹ Lộc	1			1					Công nghệ thông tin
6	Xã Thọ Lộc	1						1		Luật
7	Xã Võng Xuyên	1			1					Công nghệ thông tin
8	Xã Thượng Cốc	1				1				Xây dựng, Quản lý Môi trường
9	Xã Xuân Phú	1				1				Xây dựng, Quản lý Môi trường
10	Xã Phúc Hòa	1		1						Quân sự cơ sở
11	Thị trấn Phúc Thọ	3		1	1			1		CHTQS: Quân sự cơ sở; TP-HT: Luật; VP-TK: Công nghệ thông tin
12	Xã Phụng Thượng	3			2			1		01 VP-TK: Công nghệ thông tin; 01 VP-TK: Luật, hành chính, Quản trị văn phòng, Văn thư - Lưu trữ; TP-HT: Luật
15	Xã Văn Phúc	2						1	1	TP-HT: Luật; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
17	Xã Thanh Đa	1						1		Luật
18	Xã Hát Môn	2		1		1				CHTQS: Quân sự cơ sở; ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý Môi trường
19	Xã Liên Hiệp	2	1					1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật
21	Xã Tam Hiệp	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7453 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Đan Phượng	14	0	0	2	2	1	3	6	
1	Thị trấn Phùng	1								1 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
2	Xã Song Phượng	1								1 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
3	Xã Đồng Tháp	2						1		1 TPHT: Luật; VHXH: Văn hóa học, Quản lý Văn hóa
4	Xã Thọ Xuân	1								1 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
5	Xã Thọ An	2			1			1		VPTK: Theo Kế hoạch; TPHT: Luật
6	Xã Trung Châu	1				1				Xây dựng
7	Xã Liên Trung	1								1 Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
8	Xã Thượng Mỗ	2					1			1 TCKT: Kế toán; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
9	Xã Hạ Mỗ	2			1			1		VPTK: theo Kế hoạch; TPHT: Luật
10	Xã Tân Hội	1				1				Địa chính, Quản lý đất đai

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN QUỐC OAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7453 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Quốc Oai	44	1	0	4	13	1	11	14	
1	Sài Sơn	3			1	1	1			VPTK, TPHT: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến Trúc, Quản lý Môi trường
2	Đông Yên	4				2		1	1	ĐCXĐ (01 lĩnh vực Địa chính, 01 lĩnh vực Xây dựng ĐTM): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
3	Đông Quang	1			1					Theo Kế hoạch
4	Thị trấn Quốc Oai	2				1		1		ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính), TPHT: ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
5	Ngọc Liệp	3				1		1	1	TPHT, ĐCXĐ (lĩnh vực xây dựng), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
6	Phú Cát	2				1			1	ĐCXĐ: Quản lý đất đai; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH) theo Kế hoạch
7	Thạch Thán	4				1		1	2	ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính), TPHT, VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
8	Yên Sơn	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động): theo Kế hoạch.
9	Nghĩa Hương	3	1		1	1				TCA, VPTK, ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
10	Tân Hòa	2				1		1		ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính): theo Kế hoạch; TPHT: Luật
11	Hóa Thạch	1				1				Ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực Địa chính theo Kế hoạch
12	Phượng Cách	1						1		Luật
13	Ngọc Mỹ	1							1	Ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực Văn hóa theo Kế hoạch
14	Đông Xuân	4				1		2	1	ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
15	Cộng Hòa	1							1	ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực Lao động TBXH theo Kế hoạch
16	Cần Hữu	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học
17	Phú Mãn	1							1	Ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực Lao động TBXH theo Kế hoạch
18	Tân Phú	2			1				1	VPTK, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
19	Liệp Tuyết	3				1		1	1	ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính), TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
20	Đại Thành	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN THẠCH THẮT
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Thạch Thát	35	2	3	3	4	0	8	15	
1	Bình Phú	1							1	VHXX (lĩnh vực Văn hóa): theo Kế hoạch
2	Bình Yên	1				1				ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTMĐT): theo Kế hoạch
3	Cầm Yên	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VHXX: theo Kế hoạch
4	Canh Nậu	5		1	1			1	2	CHTQS: Đào tạo CHT quân sự; TPHT: Luật; VPTK, VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
5	Chàng Sơn	1			1					VPTK: ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch;
6	Đại Đồng	3		1				1	1	CHTQS: Đào tạo CHTQS; TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
7	Dị Nậu	1							1	VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
8	Đồng Trúc	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
9	Hạ Bằng	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội): theo Kế hoạch
10	Hương Ngải	2				1		1		ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTMĐT): theo Kế hoạch; TPHT: Luật;
11	Hữu Bằng	1				1				ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng, Đô thị, Môi trường): theo Kế hoạch
12	Kim Quan	2							2	VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
13	Lại Thượng	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
14	Phú Kim	1						1		TPHT: Luật;
15	Tân Xã	3			1	1			1	VPTK, ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTMĐT), VHXX (lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội): theo Kế hoạch;
16	Thạch Hòa	1							1	VHXX (lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội): theo Kế hoạch
17	Tiền Xuân	1		1						Đào tạo Chỉ huy trưởng quân sự
18	Yên Trung	4	1					1	2	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật; VHXX (01 lĩnh vực Văn hóa; 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN HOÀI ĐỨC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7453 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Hoài Đức	48	12	4	4	3	2	11	12	
1	Anh Khánh	1						1		Luật
2	An Thượng	7	1	1	2		1		2	TCA, CHTQS, VPTK, TCKT, VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
3	Cát Quế	3		1	1			1		Theo quy định tại Kế hoạch
4	Đắc Sở	2							2	VHXH (01 lĩnh vực Văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
5	Đông La	1	1							Quản lý trật tự ở cơ sở
6	Đức Giang	2	1					1		theo Kế hoạch
7	Đức Thượng	3	1					1	1	CHTQS: TPHT, VHXH (lĩnh vực Văn hóa): theo Kế hoạch
8	Dương Liễu	4	1		1		1		1	TCA, VPTK, TCKT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
9	Di Trạch	2	1					1		Theo quy định tại Kế hoạch
10	Kim Chung	1	1							Theo quy định tại Kế hoạch
11	La Phù	4				1		2	1	ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTMT), TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
12	Lại Yên	3	1					1	1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
13	Minh Khai	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
14	Sơn Đồng	3		1				1	1	CHTQS: Quân sự cơ sở; TPHT: Luật; VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
15	Song Phương	1	1							Quản lý trật tự ở cơ sở
16	Tiền Yên	2				1		1		ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTMT): theo Kế hoạch; TPHT: Luật
17	Thị trấn Tràm Trôi	2	1			1				Theo quy định tại Kế hoạch
18	Vân Canh	1		1						Đào tạo chỉ huy trưởng quân sự
19	Vân Côn	3	1					1	1	TCA, TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
20	Yên Sở	1							1	Theo quy định tại Kế hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN CHƯƠNG MỸ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Chương Mỹ	48	1	4	8	1	2	14	18	
1	Xã Đông Phương Yên	1						1		Luật
2	Xã Đông Sơn I							1		Luật
3	Xã Đông Lạc	2		1					1	CHTQS: Quân sự cơ sở, VHXH: Văn hóa học, Quản lý Văn hóa
4	Xã Đông Phú	1			1					theo Kế hoạch
5	Xã Hòa Chính	4			2			1	1	VPTK, TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Văn hóa học, Quản lý Văn hóa
6	Xã Hoàng Diệu	2							2	VHXH (01 lĩnh vực văn hóa, 01 lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
7	Xã Hoàng Văn Thụ	1						1		Luật
8	Xã Hợp Đồng	1						1		Luật
9	Xã Hữu Văn	1							1	Công tác XH, Quản trị nhân lực
10	Xã Lam Điền	3	1					1	1	TCA, TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Văn hóa học, Quản lý Văn hóa
11	Xã Mỹ Lương	3			1			1	1	VPTK, TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
12	Xã Nam Phương Tiến	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
13	Xã Ngọc Hòa	1			1					Luật
14	Xã Phú Nam An	1							1	Công tác XH, Quản trị nhân lực
15	Xã Quảng Bị	3		1				1	1	CHTQS, TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
16	Xã Tân Tiến	1							1	Công tác XH, Quản trị nhân lực
17	Xã Thanh Bình	1		1						ĐT chỉ huy trưởng Quân sự
18	Xã Thượng Vực	1							1	Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
19	Xã Thụy Hương	2		1				1		theo Kế hoạch
20	Xã Thủy Xuân Tiên	3					1	1	1	TCKT, TPHT: theo kế hoạch; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
21	Xã Tiên Phương	2				1		1		ĐCXD: Quản lý đất đai, TPHT: Luật
22	Xã Tốt Động	2			1				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
23	Xã Trần Phú	3					1	1	1	TCKT: Tài chính, Kế toán; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
24	Xã Trung Hòa	1							1	Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
25	Xã Trường Yên	1							1	Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
26	Xã Văn Võ	2			1				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
27	TT Xuân Mai	2			1			1		theo Kế hoạch

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN THANH OAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7153** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **4** năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Thanh Oai	37	4	5	6	9	1	4	8	
1	Bích Hòa	1						1		Luật
2	Cự Khê	2			1			1		theo Kế hoạch
3	Cao Viên	3	1			1			1	TCA: QLTT ở cơ sở; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực;
4	Thanh Cao	3	1	1	1					theo Kế hoạch
5	Bình Minh	3		1	1		1			theo Kế hoạch
6	Tam Hưng	5	1	1	1	1			1	TCA, CHTQS, VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực;
7	Mỹ Hưng	2						1	1	TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
8	Thanh Thùy	2				1		1		ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; TPHT: theo Kế hoạch
9	Thanh Mai	3	1	1					1	TCA, CHTQS: theo Kế hoạch; VHXH: Quản lý văn hóa
10	TT Kim Bài	2			1	1				VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Khoa học Môi trường;
11	Kim Thư	1				1				Địa chính, Quản lý đất đai;
12	Phượng Trung	3			1	1			1	VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai, Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Quản lý Văn hóa
13	Đỗ Động	1		1						theo Kế hoạch
14	Hồng Dương	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
15	Cao Dương	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Quản lý văn hóa
16	Xuân Dương	1				1				Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường;
17	Tân ước	1							1	Quản lý Văn hóa

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN THƯỜNG TÍN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Thường Tín	59	7	2	10	7	0	15	18	
1	Chương Dương	1			1					VPTK: Công nghệ thông tin, Luật.
2	Dũng Tiến	1			1					VPTK: Hành chính
3	Duyên Thái	3	1	1				1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; CHTQS: ĐT chỉ huy trưởng QS; TPHT: Luật
4	Hà Hồi	1							1	VHXX: Công tác xã hội.
5	Hồng Vân	2				1		1		ĐCXĐ: Quản lý đất đai; TPHT: Luật.
6	Hiền Giang	2				1			1	ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; VHXX: Quản trị nhân lực.
7	Hòa Bình	3			1	1			1	VPTK: Hành chính; ĐCXĐ: Quản lý đất đai; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo
8	Khánh Hà	1							1	VHXX: Công tác xã hội.
9	Lê Lợi	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động TBXH): theo Kế hoạch
10	Liên Phương	2	1					1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở TPHT: Luật
11	Minh Cường	2				1			1	ĐCXĐ: Môi trường; VHXX: Công tác xã hội
12	Nghiêm Xuyên	3	1		1	1				TCA: QLTT cơ sở; VPTK: Công nghệ thông tin, Hành chính; ĐCXĐ: Môi trường
13	Nguyễn Trãi	2	1						1	TCA: Công an; VHXX: Quản trị nhân lực.
14	Ninh Sở	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
15	Nhị Khê	2				1		1		ĐCXĐ: Quản lý đất đai; TPHT: Luật.
16	Quất Động	1			1					VPTK: Hành chính, Công nghệ thông tin
17	Tân Minh	1						1		TPHT: Luật.
18	Thắng Lợi	1			1					VPTK: Hành chính, Công nghệ thông tin.
19	Thị trấn Thường tín	3				1		1	1	ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Kiến trúc; TPHT: Luật; VHXX (lĩnh vực Lao động): ngành, chuyên ngành theo kế hoạch
20	Tự Nhiên	1						1		TPHT: Luật
21	Thư Phú	3			1			1	1	VPTK: Luật, Công nghệ thông tin; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội.
22	Thống Nhất	2	1						1	TCA: Công an; VHXX: Công tác xã hội.
23	Tiên Phong	4		1	1			1	1	CHTQS: ĐT chỉ huy trưởng Quân sự; VPTK: Hành chính; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội.
24	Tổ Hiệu	3			1			1	1	VPTK: Hành chính; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội.
25	Vạn Điểm	3	1					1	1	TCA: QLTT ở cơ sở; TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội.
26	Vân Bình	2						1	1	TPHT: Luật; VHXX: Công tác xã hội.
27	Vân Phú	2						1	1	TPHT: Luật hoặc Hành chính; VHXX: Công tác xã hội
28	Vân Tảo	1							1	VHXX (lĩnh vực Văn hóa): theo Kế hoạch
29	Vã nTự	3	1		1				1	TCA: Công an; VPTK: Luật; VHXX: Công tác xã hội.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN PHÚ XUYỀN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Phú Xuyên	56	11	6	7	5	3	19	5	
1	Xã Phú Túc	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội
2	Xã Hồng Minh	1						1		Luật
3	Xã Đại Thắng	1	1							Quản lý trật tự ở cơ sở
4	Xã Sơn Hà	2	1					1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật
5	Xã Tri Trung	1				1				Xây dựng
6	Xã Hoàng Long	3	1					1	1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội
7	Xã Chuyên Mỹ	2					1	1		TCKT: Kế toán TPHT: Luật
8	Xã Phương Dục	2	1					1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật
9	Xã Văn Hoàng	3	1	1				1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng Quân sự; TPHT: Luật
10	Xã Quang Trung	1				1				Xây dựng, Công nghệ Môi trường
11	Xã Tân Dân	5	1	1	1	1		1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng Quân sự; VPTK: Hành chính, Công nghệ thông tin; ĐCXĐ: Xây dựng; TPHT: Luật
12	Xã Văn Từ	2			1			1		VPTK: Hành chính, Văn thư - Lưu trữ; TPHT: Luật
13	Xã Châu Can	1						1		Luật
14	TT- Phú Minh	2			1			1		VPTK: Quản trị Văn phòng, Hành chính, Công nghệ thông tin; TPHT: Luật
15	Xã Văn Nhân	5	1		1	1		1	1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VPTK: Quản trị Văn phòng; ĐCXĐ: Xây dựng; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội
16	Xã Nam Phong	1		1						ĐT Chỉ huy trưởng Quân sự
17	Xã Hồng Thái	1		1						ĐT Chỉ huy trưởng Quân sự
18	Xã Khai Thái	3	1	1				1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; CHTQS: ĐT Chỉ huy trưởng Quân sự; TPHT: Luật
19	TT Phú Xuyên	2					1	1		TCKT: Kế toán; TPHT: Luật
20	Xã Phúc Tiến	2	1	1						TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; CHTQS: ĐT chỉ huy trưởng Quân sự;
21	Xã Đại Xuyên	3	1					1	1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; TPHT: Luật; VHXH: Quản lý Văn hóa
22	Xã Tri Thủy	3			1			1	1	VPTK: Công nghệ thông tin; TPHT: Luật; VHXH: Công tác Xã hội
23	Xã Quang Lãng	2			1			1		VPTK: Hành chính Văn phòng, Công nghệ thông tin; TPHT: Luật
24	Xã Minh Tân	4	1		1		1	1		TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VPTK: Hành chính Văn phòng; TCKT: Tài chính - Ngân hàng; TPHT: Luật
25	Xã Bạch Hạ	1						1		Luật
26	Xã Phú Yên	1				1				Xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN ỨNG HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7453 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Ứng Hòa	47	3	3	10	6	0	3	22	
1	Xã Hoa Sơn	2							2	VHXH1: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; VHXH2: Công tác Xã hội, Quản trị nhân
2	Xã Sơn Công	2							2	VHXH1: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; VHXH2: Công tác Xã hội, Quản trị nhân
3	Xã Cao Thành	2			1				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
4	Xã Viên Nội	1				1				Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường
5	Xã Liên Bạt	2			1				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
6	Xã Minh Đức	1							1	Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
7	Xã Đại Cường	2				1			1	ĐCXD: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
8	Xã Vạn Thái	4			1			1	2	VPTK: theo Kế hoạch; TPHT: Luật; VHXH1: Văn hóa, Quản lý Văn hóa; VHXH2: Công tác Xã hội, Quản trị nhân lực
9	Xã Đồng Tiến	2	1		1					theo Kế hoạch
10	Xã Đội Bình	3			1	1			1	VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXD: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
11	Xã Viên An	2				1			1	ĐCXD: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
12	Xã Kim Đường	3			2				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
13	Xã Quảng Phú Cầu	2	1						1	TCA: Quản lý trật tự ở cơ sở; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
14	Xã Hòa Nam	1		1						Quản sự cơ sở
15	Xã Trầm Lộng	3		1	1				1	CHTQS, VPKT: theo Kế hoạch; VHXH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học
16	Xã Hòa Lâm	3				1		1	1	ĐCXD: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
17	Xã Hồng Quang	3				1			2	ĐCXD: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXH1: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học; VHXH2: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
18	Xã Đông Lỗ	3	1		1				1	TCA, VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
19	Xã Tảo Dương Văn	2						1	1	TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
20	Thị trấn Vân Đình	1		1						Quản sự cơ sở
21	Xã Đồng Tân	1							1	Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
22	Xã Đại Hùng	2			1				1	VPTK: theo Kế hoạch; VHXH: Văn hóa, Quản lý Văn hóa, Văn hóa học

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN MỸ ĐỨC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên, ngành quản lý trật tự ở cơ sở)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên, ngành Chỉ huy trưởng QS ở cơ sở)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Mỹ Đức	43	2	0	7	14	0	8	12	
1	Đồng Tâm	2			1	1				VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Quản lý đất đai, Địa chính
2	Thượng Lâm	2				1		1		theo Kế hoạch
3	Phúc Lâm	4			1	1		1	1	theo kế hoạch
4	Bột Xuyên	3				1		1	1	VPTK, ĐCXĐ, TPHT: theo kế hoạch; VHXH: Quản trị nhân lực, Công tác xã hội
5	Tuy Lai	2	1		1					theo Kế hoạch
6	Mỹ Thành	1							1	Quản trị nhân lực, Công tác xã hội
7	An Mỹ	2						1	1	TPHT: theo Kế hoạch; VHXH: Quản trị nhân lực, công tác xã hội
8	Hồng Sơn	2				1			1	ĐCXĐ: Xây dựng, Quản lý Môi trường; VHXH: theo Kế hoạch
9	Lê Thanh	1						1		Luật
10	Xuy Xá	3			1	1			1	VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
11	TT Đại nghĩa	2				1		1		ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; TPHT: Luật
12	Đại Hưng	1							1	Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
13	Vạn Kim	3	1		1	1				VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường
14	Hương Sơn	3				2			1	ĐCXĐ: theo quy định; VHXH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học
15	Hùng Tiến	2			1	1				VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai;
16	An Tiến	1				1				Xây dựng, kiến trúc, quản lý môi trường
17	Hợp Thanh	3						1	2	theo kế hoạch
18	Hợp Tiến	3			1	1			1	VPTK: Luật, Hành chính; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; VHXH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực
19	An Phú	3				1		1	1	ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý môi trường; Quản lý đất đai; TPHT: Luật; VHXH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2013 CỦA HUYỆN MÊ LINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7153 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của UBND Thành phố)

S T T	Xã, thị trấn	Tổng số	Chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ của từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo chức danh công chức cấp xã
			Trưởng Công an (Trung cấp trở lên, ngành quản lý trật tự ở cơ sở)	Chỉ huy trưởng Quân sự (Trung cấp trở lên, ngành Chỉ huy trưởng QS ở cơ sở)	Văn phòng Thống kê (Đại học trở lên)	Địa chính - Xây dựng (Đại học trở lên)	Tài chính - Kế toán (Đại học trở lên)	Tư pháp - Hộ tịch (Đại học trở lên)	Văn hóa - Xã hội (Đại học trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Huyện Mê Linh	37	1	1	9	5	6	6	9	
1	Chi Đông	3			1	1	1			TCKT: Tài chính - ngân hàng; VPTK, ĐCXĐ (các ngành thuộc lĩnh vực địa chính); các ngành theo kế hoạch
2	Chu Phan	2			1			1		Theo Kế hoạch
3	Hoàng Kim	3				1		1	1	ĐCXĐ (lĩnh vực Xây dựng ĐTM), TPHT, VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo kế hoạch.
4	Kim Hoa	1							1	VHXH (lĩnh vực lao động): theo Kế hoạch
5	Liên Mạc	2						1	1	TPHT: theo kế hoạch; VHXH: lĩnh vực lao động theo kế hoạch
6	Mê Linh	1					1			Tài chính, Kế toán
7	Quang Minh	6		1	2		2	1		CHTQS: Đào tạo CHTQS; 01 VPTK: Luật, 01 VPTK: Hành chính học; TCKT: Kế toán; TPHT: theo Kế hoạch
8	Thạch Đà	2					1		1	TCKT: theo Kế hoạch; VHXH: Công tác xã hội
9	Thanh Lâm	1			1					Theo Kế hoạch
10	Tiền Phong	1	1							Theo Kế hoạch
11	Tiền Thắng	2				1			1	ĐCXĐ (lĩnh vực Địa chính - Nông nghiệp), VHXH (lĩnh vực Lao động TBXH): ngành, chuyên ngành theo Kế hoạch
12	Tiền Thịnh	4			1	1		1	1	VPTK, TPHT: theo kế hoạch; ĐCXĐ: Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý Môi trường; VHXH (lĩnh vực văn hóa): theo Kế hoạch
13	Tráng Việt	4			1	1			2	VPTK: theo Kế hoạch; ĐCXĐ: Địa chính, Quản lý đất đai; VHXH (01 lĩnh vực văn hóa, 01 lĩnh vực lao động): theo Kế hoạch
14	Văn Khê	4			2		1	1		Theo Kế hoạch
15	Tự Lập	1							1	Theo Kế hoạch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Kính gửi: UBND quận (huyện)..... (1)

Họ và tên:..... Nam, nữ:.....

Ngày tháng năm sinh: Dân tộc:.....

Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:.....

Điện thoại liên lạc:

Trình độ và chuyên ngành đào tạo:

Đối tượng ưu tiên (nếu có): (2)

Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã của.....
(1), tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ tuyển dụng công chức cấp xã. Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký dự tuyển vào chức danh tại UBND xã (phường, thị trấn)thuộc quận (huyện) (1)

Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật;
2. Bản sao Giấy khai sinh;
3. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và các giấy tờ có liên quan khác, gồm: (3)

4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

5. 02 phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc; 02 ảnh 4 x 6.

Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật, sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ghi chú:

- (1) UBND quận, huyện nơi thí sinh đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;
- (2) Ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định;
- (3) Ghi rõ tên của các bản chụp và các giấy tờ có liên quan khác gửi kèm đơn đăng ký dự tuyển công chức.

Kính đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho người đăng ký dự tuyển vào công chức xã, phường, thị trấn
thuộc thành phố Hà Nội, năm 2013)*

Ảnh 4 x 6

- Họ và tên khai sinh:
- Sinh ngày tháng năm; Nam, nữ:
- Nguyên quán:
- Hộ khẩu thường trú:
- Dân tộc:; Tôn giáo:
- Thành phần gia đình:
- Đối tượng ưu tiên:

- Tốt nghiệp trường: Hệ đào tạo:
- Ngành (chuyên ngành):
- Trình độ Chính trị:
- Trình độ Ngoại ngữ: Trình độ Tin học:
- Ngày vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:
- Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam: Chính thức:
- Ngày nhập ngũ QĐNDVN (TNXP): Ngày xuất ngũ:

GIA ĐÌNH

- Họ tên bố: Tuổi:
- Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:
- Nơi công tác:
- Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:
-
-
-
-
- Họ tên mẹ: Tuổi:
- Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:
- Nơi công tác:
- Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:
-
-
-

ANH CHỊ EM RUỘT
(Ghi rõ họ tên, tuổi, nơi công tác của từng người)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

VỢ HOẶC CHỒNG, CON (NẾU CÓ)
(Ghi rõ họ tên, tuổi, nơi công tác của từng người)

.....
.....
.....
.....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

TỪ THÁNG NĂM ĐẾN THÁNG NĂM	LÀM CÔNG TÁC GÌ	Ở ĐÂU	GIỮ CHỨC VỤ GÌ

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:.....

Kỷ luật:.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn (nơi đăng ký HKTT) hoặc của cơ quan, đơn vị hiện đang công tác

....., ngày tháng năm 2013
NGƯỜI KHAI KÝ TÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

năm 2013